

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Tô Thị Hồng M - Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn:** Anh Phạm Tuấn T - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm T, xã Khánh L, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Tô Thị Hồng M và anh Phạm Tuấn T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về con chung ( riêng ):** Giao cháu Phạm Tuấn A , sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011 cho anh Phạm Tuấn T được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Tô Thị Hồng M không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Phạm Tuấn T và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Chị Tô Thị Hồng M và anh Phạm Tuấn T không có con riêng nên chị M và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp:** Chị Tô Thị Hồng M và anh Phạm Tuấn T xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.3. Về án phí:** Chị Tô Thị Hồng M nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002194 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Tô Thị Hồng M số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh L.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Nhật Trung**